

CÔNG TY CỔ PHẦN
TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI QUẢNG TRỊ



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018



Quảng Trị, tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI QUẢNG TRỊ
(Năm 2018)

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3200042556 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 25/07/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 07/03/2017;
- Vốn điều lệ : **84.000.000.000 VND** (Tám mươi tư tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **102.505.262.579 VND** (căn cứ theo BCTC đã kiểm toán năm 2018)
- Địa chỉ : Số 01 Phan Bội Châu – Đông Hà – Quảng Trị
- Số điện thoại : 0233 3851 151/3853 031
- Số fax : 0233 3852 695
- Website : www.sepon.com.vn
- Mã cổ phiếu : SEP

***Quá trình hình thành và phát triển :**

- Tháng 5/1973: Thành lập Đại lý Bách hoá Thực phẩm Quảng Trị;
- Năm 1974: Nâng cấp thành Công ty Bách hoá Thực phẩm Quảng Trị;
- Năm 1977: Thành lập Công ty Thương nghiệp Đông Hà;
- Năm 1992: Thành lập Công ty Thương nghiệp tổng hợp Quảng Trị;
- Tháng 1/1993: Hợp nhất Công ty Thương nghiệp Đông Hà và Công ty Thương nghiệp tổng hợp Quảng Trị, thành lập Công ty Thương mại Quảng Trị;
- Tháng 4/1995: Thành lập Chi nhánh Công ty Thương mại Q.Trị tại TP Hồ Chí Minh;
- Tháng 11/1999: Thành lập Chi nhánh Công ty Thương mại Quảng Trị tại Khu Kinh tế thương mại đặc biệt Lao Bảo;
- Tháng 12/2003: Thành lập Chi nhánh Công ty Thương mại Quảng Trị - Xi nghiệp Thương - mại Việt Lào, nay đổi thành Chi nhánh XNK SEPON;
- Tháng 3/2004: Thành lập Chi nhánh Công ty Thương mại Quảng Trị - Nhà máy Tinh bột sản Hướng Hoá;
- Ngày 21/3/2004: Sản xuất thành công Tinh bột sản nhãn hiệu SEPON;

- Tháng 7/2004: Thành lập Chi nhánh Công ty Thương mại Quảng Trị - Khách sạn SEPON;
- Tháng 6/2006: Thành lập Chi nhánh Công ty Thương mại Quảng Trị - Trung tâm lễ hành SEPON;
- Tháng 4/2009: chuyển đổi thành Công ty Cổ phần lễ hành SEPON;
- Tháng 10/2006: Chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Thương mại Quảng Trị;
- Tháng 7/2008: Thành lập Trung tâm thương mại ATúc;
- Năm 2009: Xây dựng Trung tâm dịch vụ Làng Vây;
- Tháng 2/2009: Thành lập Chi nhánh Công ty TNHH MTV Thương mại Quảng Trị tại An Giang;
- Tháng 3/2010: Thành lập Trung tâm thực nghiệm và chuyển giao kỹ thuật nông nghiệp;
- Tháng 4/2011: Thành lập Chi nhánh Công ty TNHH MTV Thương mại Quảng Trị - Nhà máy Chế biến nông sản Đồng Hà;
- Tháng 8/2012: Thành lập Chi nhánh Công ty TNHH MTV Thương mại Quảng Trị - Nhà máy Chế biến mủ cao su Cam Lộ;
- Tháng 5/2014: Thành lập Chi nhánh Công ty TNHH MTV Thương mại Quảng Trị- Nhà máy viên năng lượng Cam Lộ;
- Tháng 12/2014: Chuyển đổi Công ty TNHH MTV Thương mại Quảng Trị sang Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị theo quyết định số 2433/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV TM Quảng Trị thành Công ty cổ phần;
- Tháng 4/2015: Thành lập Chi nhánh Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị - Trung tâm dịch vụ du lịch Cửa Việt.
- Ngày 16/11/2017 : Công ty cổ phần Tổng công ty Thương mại Quảng Trị chính thức trở thành Công ty đại chúng.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

- + Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, hàng tiêu dùng;
- + Sản xuất và xuất khẩu Tinh bột sắn và các mặt hàng nông sản khác;
- + Dịch vụ nhà hàng, khách sạn và lễ hành, nghỉ dưỡng;
- + Chế biến mủ cao su, sản xuất viên nén năng lượng.

- Sản phẩm dịch vụ:

- + Hàng tiêu dùng Thái Lan (Nhựa, hoá mỹ phẩm, ..).

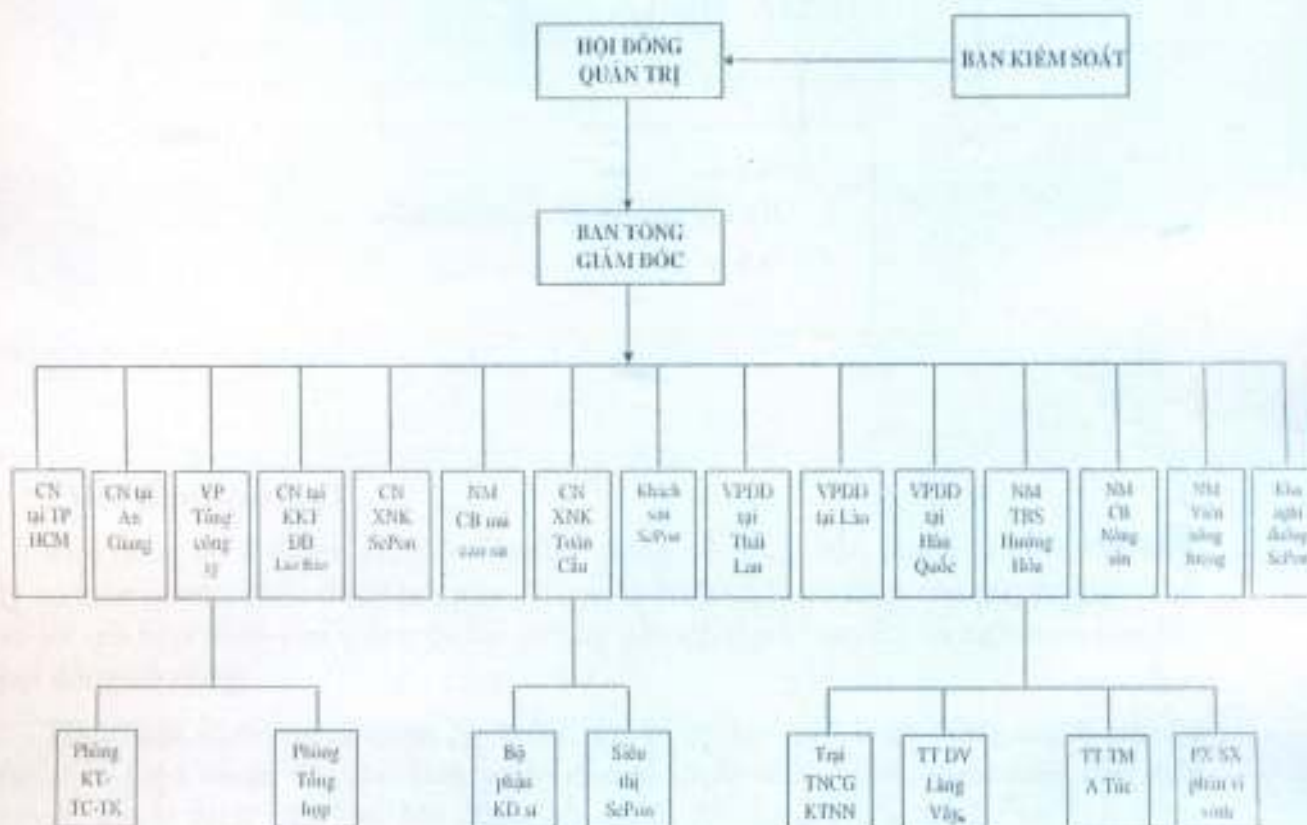
- + Tinh bột sắn, hồ tiêu, cao su, viên nén năng lượng.
- + Dịch vụ lưu trú, nhà hàng, nghỉ dưỡng;
- + Dịch vụ lữ hành nội địa, quốc tế;
- + Cao su, Viên nén năng lượng, Thức ăn chăn nuôi;

- Địa bàn kinh doanh:

- + Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Lào...

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1 Mô hình quản trị :



3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý :



- Hội đồng quản trị

Hội đồng có 4 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu chọn, là cơ quan quản lý có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định và thực hiện các quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của Công ty trừ những vấn đề thuộc quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

Thực hiện chức năng quản lý, kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của Công ty, tạo điều kiện thuận lợi cho Ban giám đốc tổ chức điều hành, thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng quản trị là 5 năm.

- Tổng Giám đốc:

Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật, điều hành hoạt động hàng ngày của công ty theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với Điều lệ công ty; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

- Phó Tổng Giám đốc:

Phó Tổng Giám đốc là người giúp và tham mưu cho Tổng Giám đốc trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty theo sự phân công của Tổng Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và pháp luật về nhiệm vụ được Tổng Giám đốc phân công.

*** Ban Kiểm soát**

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra với nhiệm kỳ không quá 5 năm. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước pháp luật và các cổ đông Công ty về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình như: Kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cần trọng của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc trong tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu, trong quản lý điều hành công việc kinh doanh của công ty;

*** Phòng Tài chính - Kế toán:**

- Tham mưu cho Ban Tổng giám đốc trong các lĩnh vực Tài chính, Kế toán, quản lý tài sản, quản lý vốn, kiểm soát chi phí hoạt động của Công ty.

- Theo dõi phân tích và phản ánh tình hình biến động tài sản, nguồn vốn tại công ty và các đơn vị cơ sở, cung cấp thông tin về tài chính, kinh tế cho Tổng giám đốc trong công tác điều hành và hoạch định sản xuất kinh doanh.

- Xây dựng kế hoạch tài chính phù hợp với kế hoạch SXKD và đầu tư của Công ty trong ngắn hạn và dài hạn, quản lý tài sản nguồn vốn và các nguồn lực kinh tế theo quy định của Nhà nước.

- Thực hiện công tác hoạch toán kế toán, thống kê theo Luật kế toán, thống kê và Điều lệ của Công ty, xác định và phản ánh kịp thời, chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kết quả kiểm kê tài sản, nguồn vốn, thực hiện chế độ báo cáo tài chính, thống kê theo quy định của Nhà nước và Điều lệ Công ty.

- Lưu trữ, bảo quản chứng từ, sổ sách kế toán, bảo mật số liệu kế toán tài chính theo quy định và Điều lệ Công ty.

- Thực hiện những nhiệm vụ khác do Tổng giám đốc phân công.

*** Phòng Tổng hợp:**

- Tham mưu cho Tổng giám đốc trong các lĩnh vực tổ chức lao động, quản lý và bố trí nhân lực, bảo hộ lao động, chế độ chính sách bảo hiểm, lương, thưởng, chăm sóc sức khỏe cho người lao động, tuyển dụng, điều phối lao động, quản lý nguồn nhân lực.

- Giải quyết kịp thời các chế độ chính sách, kiểm tra đơn đốc tất cả CBCNV lao động thực hiện nghiêm nội quy, quy chế của Công ty, theo dõi công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật của Công ty.

- Quản lý công tác ATVSLĐ, PCCC, Phòng chống bạo lực, Tổ chức các Hội nghị khánh tiết của Công ty.

- Tiếp nhận các thông tin từ bên ngoài đến Công ty, xử lý các thông tin theo chức năng và thẩm quyền, soạn thảo và trình Tổng giám đốc ký các văn bản đối nội, đối ngoại và chịu trách nhiệm về giá trị pháp lý của văn bản đó.

- Phát hành, lưu trữ, bảo mật con dấu và các tài liệu của Công ty đảm bảo chính xác, kịp thời và an toàn.

- Bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn nội bộ trong toàn Công ty.

- Thực hiện những nhiệm vụ khác do Tổng giám đốc phân công.

* Công ty có các chi nhánh như sau:

STT	CHI NHÁNH	ĐỊA CHỈ	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG
1	Văn Phòng Tổng công ty	01 Phan Bội Châu, TP. Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị	Quản lý và chỉ đạo các hoạt động của các đơn vị cơ sở
2	Nhà máy Tinh bột sắn Hướng Hoá	Xã Thuận, Hướng Hóa, Quảng Trị	Sản xuất và xuất khẩu: Tinh bột sắn, phân vi sinh, bã sắn
3	Khách sạn SEPON	Khu KTTMDB Lao Bảo, Thị trấn Lao Bảo, Hướng Hóa, Quảng Trị.	Dịch vụ nhà hàng, khách sạn, lữ hành quốc tế, nội địa
4	Nhà máy Chế biến nông sản Đông Hà	Khu CN Nam Đông Hà, TP Đông Hà, Quảng Trị	Sản xuất, kinh doanh các mặt hàng nông sản: tiêu, gạo, trà các loại, lạc, bã sắn, thức ăn chăn nuôi.
5	Nhà máy Chế biến mù cưa su Cam Lộ	Xã Cam Chính, Huyện Cam Lộ, Quảng Trị	Sản xuất và kinh doanh mặt hàng cao su SVR10, SVR3L
6	Nhà máy viên năng lượng Cam Lộ	Cụm Công nghiệp Cam Hiếu, Cam Lộ, Quảng Trị	Sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm từ gỗ: viên nén, gỗ ép, gỗ ghép thanh
7	Trung tâm dịch vụ du lịch Cửa Việt:	Khu nghỉ dưỡng SePon resort, Thị trấn Cửa Việt, Gio Linh, Quảng Trị.	Dịch vụ nhà hàng, nghỉ dưỡng, tổ chức các sự kiện...
8	Chi nhánh Công ty tại TP Hồ Chí Minh	7/1 Linh Đông, Phường Linh Đông,	Nhập khẩu và phân phối các thiết bị, hàng tiêu

		Quận Thủ Đức, TP HCM	dùng có nguồn gốc từ Thái Lan, Lào, Hàn Quốc
9	Chi nhánh Công ty tại Khu Kinh tế TMĐB Lao Bảo	Thị trấn Lao Bảo, Hướng Hóa, Quảng Trị	Nhập khẩu và phân phối các thiết bị, hàng tiêu dùng có nguồn gốc từ Thái Lan, Lào, Hàn Quốc
10	Chi nhánh XNK SEPON	Tầng 2, Tòa nhà 01 Phan Bội Châu, Đông Hà, Quảng Trị	Xuất nhập khẩu các mặt hàng nông sản, gỗ, cao su
11	Chi nhánh Công ty tại An Giang	Tòa nhà Tầng 1, số 7/1 Linh Đông, Phường Linh Đông, Quận Thủ Đức, TP HCM.	Nhập khẩu và phân phối các thiết bị, hàng tiêu dùng có nguồn gốc từ Thái Lan, Lào, Hàn Quốc...
12	Chi nhánh xuất nhập khẩu Toàn Cầu	Tầng 3, Tòa nhà 01 Phan Bội Châu, Đông Hà, Quảng Trị	Nhập khẩu và phân phối các thiết bị, hàng tiêu dùng có nguồn gốc từ Thái Lan, Lào, Hàn Quốc

3.3 Các công ty con, công ty liên kết: Công ty CP lữ hành SePon

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh thương mại gắn liền với nhiệm vụ phục vụ nông nghiệp, nông thôn, thúc đẩy sự phát triển các vùng nông thôn, miền núi.

- Phát triển gắn liền với nông nghiệp và nông thôn: Phát triển rộng khắp các mô hình nông nghiệp có hiệu quả, trên cơ sở chuyển giao kỹ thuật, cung ứng giống, thức ăn cũng như bao tiêu sản phẩm nông sản cho nông dân; tham gia phục hồi và phát triển các vùng chuyên canh cây trồng tại các địa phương, đưa thương hiệu nông đặc sản trong tỉnh ra thị trường trong nước và thế giới.

- Phát triển sản xuất phân vi sinh chất lượng cao, giá rẻ (đặc biệt cho cây sắn) và Sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc hướng đến mục tiêu tái đầu tư cho sản xuất nông nghiệp, nâng cao năng suất và chất lượng nông sản.

- Mở rộng sản xuất kinh doanh sang nước bạn Lào, Thái Lan và Trung Quốc; khai thác có hiệu quả lợi thế, tiềm năng về du lịch, dịch vụ trên tuyến hành lang kinh tế Đông Tây.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Xây dựng chiến lược kinh doanh đầu tư phát triển ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, tìm kiếm, mở rộng thị trường và có các giải pháp cụ thể để thực hiện chiến lược phát triển công ty, từng bước đưa công ty phát triển và tăng trưởng ổn định, bền vững.

- Xây dựng đơn giá sản phẩm, dịch vụ dựa trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật từng ngành quy định.

- Thực hiện chủ trương đa ngành, đa nghề. Công ty tập trung nghiên cứu để phát triển thêm một số ngành nghề mới mang lại hiệu quả kinh tế cao.

- Tập trung khai thác, phát triển, đầu tư công nghệ mới để tăng tính cạnh tranh, tăng doanh thu. Đẩy nhanh tốc độ đầu tư hoàn thiện các dự án của Công ty, mở rộng địa bàn hoạt động, khai thác và tiếp tục thực hiện các hợp đồng kinh tế về kinh doanh xuất nhập khẩu, tiêu thụ, cung ứng, bao tiêu để đa dạng hóa ngành nghề.

- Đảm bảo nhân sự của Công ty hoạt động đồng bộ và làm việc hiệu quả.

- Khuyến khích người lao động tham gia sáng tạo trong SXKD, đưa nhiều ý tưởng, sáng kiến hay cách làm mới để tiết giảm chi phí, tiết kiệm nâng cao hiệu quả hoạt động.

- Tập trung đầu tư thời gian, trí tuệ tìm hiểu thị trường, đối tác, nghiên cứu đổi mới hoạt động, ngành nghề phù hợp với lợi thế hiện có của Công ty. Tiếp tục duy trì hoạt động hiện nay ổn định, đảm bảo thu nhập cho cán bộ công nhân viên.

- Kiểm soát chi phí, tiết kiệm chi tiêu đảm bảo hiệu quả sản xuất và kinh doanh của Công ty.

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh phải vừa đảm bảo được mục tiêu phát triển vừa bảo vệ được môi trường.

- Tăng cường hội nhập, mở rộng bạn hàng, đối tác, chuyển hướng thị trường sang các nước Hàn Quốc, Philipin, Nhật Bản, Thái Lan, Lào, Campuchia, Mỹ và các nước Châu Âu để giảm sự lệ thuộc thị trường Trung Quốc.

- Các mục tiêu phát triển bền vững :

- Củng cố và duy trì các mặt hàng, nguồn hàng, ngành hàng và tìm thị trường đầu ra ổn định hơn cho các sản phẩm của công ty sản xuất và kinh doanh.

- Kế thừa và phát huy tốt hơn thị trường, bạn hàng truyền thống của Công ty, đầu tư sâu vào các sản phẩm để nâng cao giá trị và chất lượng sản phẩm cạnh tranh.

- Chú trọng nhiều hơn việc sản xuất các sản phẩm sạch và giữ gìn tốt vệ sinh môi trường, quy hoạch các vùng nguyên liệu để ổn định sản xuất lâu dài cho các nhà máy.

- Đầu tư nhiều hơn cho nông nghiệp nông thôn và nông dân, nhất là các sản phẩm của tỉnh nhà đã được thị trường trong và ngoài nước biết đến như: Tiêu Cù, Tinh bột sắn, Cao su, viên nén, gỗ xẻ FSC...

- Đảm bảo nhu cầu thiết yếu cho phát triển sản xuất và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào dân tộc ở miền núi, vùng sâu vùng xa.

- Mở rộng các văn phòng đại diện trong và ngoài nước để hỗ trợ các mục tiêu chiến lược kinh doanh của Công ty.

- Ổn định đời sống, công ăn việc làm và tăng thu nhập ngày càng cao cho CBCNV và người lao động.

5. Các rủi ro:

- Tình hình chính trị kinh tế thế giới và khu vực có nhiều diễn biến phức tạp cản trở sự phục hồi tăng trưởng kinh tế, thị trường trong nước và xuất khẩu chậm, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty.

- Môi trường kinh doanh không thuận lợi, sức mua thấp, giá cả không ổn định, tiềm ẩn nhiều yếu tố rủi ro đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty cụ thể:

+ Thị trường nông sản bấp bênh không ổn định

+ Giá cao su và giá dầu mỏ không ổn định và thường giảm sâu. Giá viên nén vẫn còn thấp.

+ Một số mặt hàng nhập khẩu độc quyền của Công ty nay đã có sự cạnh tranh của các đối thủ khác. Hàng giả, hàng nhái, hàng lậu tràn lan thị trường, chưa được kiểm soát tốt nên gây khó khăn cho Công ty trong chiến lược nhập khẩu, sản xuất và tiêu thụ hàng hóa;

+ Chính sách chuyển đổi cây trồng của địa phương và giá sản phẩm không ổn định đã ảnh hưởng đến sản lượng thu mua sản phẩm của nhà máy sắn.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2018

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:*

***Về các hoạt động sản xuất, chế biến:**

a. Sản xuất tại Nhà máy Tinh bột sắn Hướng Hóa:

Trong năm, nhà máy Tinh bột sắn đã sản xuất được 38.270 tấn tinh bột/kế hoạch 43.000 tấn thành phẩm; sản xuất bã sắn đạt 10.727 tấn/kế hoạch 10.500 tấn, tổng doanh thu nhà máy 404 tỷ đồng/kế hoạch 410 tỷ đồng, mặc dầu một số chỉ tiêu thực hiện không đạt theo kế hoạch công ty giao, nhưng so với các đơn vị cùng ngành hàng trong nước, trong tỉnh thì kết quả hoạt động của nhà máy có sự vượt trội hơn, đặc biệt vào những tháng cuối năm.

Về sản xuất phân vi sinh, Nhà máy đã có những hoạt động như vận động nhân dân bón phân thâm canh cây sản và bán phân. Trong năm đã sản xuất được gần 540 tấn/kế hoạch 700 tấn.

b. Chế biến tại Nhà máy CB mũ cao su:

Trong năm 2018, giá cao su thế giới vẫn tiếp tục biến động, diễn biến phức tạp, nguồn nguyên liệu vẫn tiếp tục thiếu hụt, sự cạnh tranh khốc liệt của các nhà máy về vùng nguyên liệu, thị trường đầu ra. Cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung đã ảnh hưởng rất lớn và tình hình xuất khẩu cao su vào thị trường Trung Quốc.. Đứng trước thuận lợi và thách thức đó, với sự nỗ lực quyết tâm của tập thể CBCNV nhà máy, sự chỉ đạo sâu sát của Ban lãnh đạo Công ty, Nhà máy đã đạt một số chỉ tiêu, cụ thể: đã thu mua, gia công để sản xuất được 4.657 tấn đạt 93% KH, doanh thu đạt 113 tỷ đồng, đạt 87% kế hoạch.

c. Sản xuất tại Nhà máy viên nén năng lượng:

Đã sản xuất: 4.213 tấn viên gỗ nén, 2.110m^3 gỗ xẻ, sản gỗ vĩ nhựa 232 m^2 , doanh thu đạt 19,7 tỷ đồng.

Năm 2018 Nhà máy đã xây dựng được các đầu mối thu mua ổn định, giá cả phù hợp, đảm bảo nguyên liệu cho các xưởng sản xuất; tìm thị trường đầu ra cho một số đơn hàng viên gỗ nén, gỗ xẻ chi tiết, hàng tinh chế. Tuy nhiên do giá viên nén không ổn định, thời gian sửa chữa máy móc kéo dài nên ảnh hưởng đến sản lượng và doanh thu của viên nén không như kế hoạch.

Để ổn định hoạt động Công ty - Nhà máy cùng với chính quyền địa phương và người dân tiếp tục xây dựng, phát triển bền vững vùng nguyên liệu, đồng thời nhà máy xây dựng chính sách thu mua nguyên liệu theo hướng hỗ trợ người dân tối đa, triển khai chế biến sâu các sản phẩm gỗ tinh chế để tăng giá trị;

d. Chế biến tại Nhà máy nông sản:

Sau khi đưa vào sử dụng dây chuyền thức ăn chăn nuôi, nhà máy vẫn tiếp tục SX-KD chế biến hàng nông sản tỉnh nhà, thực hiện nhiệm vụ chính trị do Tổng công ty giao như bán hàng lưu động bình ổn giá, phục vụ tết, bán hàng nông sản, dự trữ hàng hóa PC bảo lự, tham gia các hoạt động chính trị như : Hội chợ, triển lãm, hội nghị...

Trong năm qua, Nhà máy đã có nhiều cố gắng trong thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao, việc quảng bá nâng cao giá trị và tạo thương hiệu nông sản tỉnh nhà; trong thu mua, sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông sản cũng như sản xuất và tiêu thụ TACN. Doanh thu đạt 40,5 tỷ đồng, trong đó TACN thực hiện đạt 9,4 tỷ đồng; hàng nông sản các loại 31 tỷ đồng /kế hoạch 30 tỷ đồng.

*** Về hoạt động kinh doanh nhập khẩu:**

Các mặt hàng nhập khẩu từ Thái Lan được mở rộng phát triển về số lượng và chủng loại mới, tuy có nhiều đối thủ cạnh tranh và tình trạng hàng giả hàng nhái ngày càng nhiều nhưng do chất lượng hàng hóa tốt, có thương hiệu nên Công ty đã

tạo được mạng lưới rộng khắp trong cả nước, các mặt hàng này mang lại hiệu quả kinh doanh khá cao, hàng tồn kho ít. Doanh thu cho các mặt hàng tiêu dùng nhập khẩu là: 151 tỷ đồng; đồng thời góp phần tạo nên thương hiệu cho công ty.

*** Về hoạt động dịch vụ - du lịch:**

Về dịch vụ nghỉ dưỡng, nhà hàng, khách sạn: Khách sạn Sepon, Khu nghỉ dưỡng Sepon Resort tiếp tục khẳng định uy tín, vị thế và thương hiệu của mình, đã để lại nhiều dấu ấn tốt đẹp cho du khách trong và ngoài nước. Đặc biệt Khu nghỉ dưỡng Sepon Resort đã tạo điểm nhấn mới trong lĩnh vực nghỉ dưỡng biển Quảng Trị. Doanh thu dịch vụ du lịch năm 2018 đạt 12,5 tỷ đồng ;

- *Tình hình thực hiện so với kế hoạch:*

Chỉ tiêu	DVT	KH 2018	TH 2018	% hoàn thành KH
- Tổng doanh thu	Tỷ đồng	780	717	92%
- Nộp NS địa phương (nộp thuế)	Tỷ đồng	50	52,7	105%
- Số lao động bình quân	Người	540	535	99
- Thu nhập Bqlđ/tháng	Tr.đồng	7,5	7,5	100
- Lợi nhuận	Tr. đồng	15.500	15.543	100,3

Năm nay, các chỉ tiêu kế hoạch đề ra đều đạt và vượt là do:

- Giá tỉnh bột sản tăng cao vào những tháng cuối năm. Nguồn nguyên liệu sản dồi dào đã nâng cao hiệu quả hoạt động của Nhà máy Tỉnh bột sản;

- Hàng hóa XNK có chất lượng hàng hóa tốt, có thương hiệu nên Công ty đã tạo được mạng lưới rộng khắp trong cả nước, các mặt hàng này mang lại hiệu quả kinh doanh khá cao, hàng tồn kho ít.

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành trong năm 2018:

Ban Tổng Giám đốc

- | | |
|----------------------|---------------------|
| a. Tổng Giám đốc | Ông : Hồ Xuân Hiếu |
| b. Phó Tổng Giám đốc | Ông : Mai Chiếm An |
| c. Phó Tổng Giám đốc | Ông : Lê Quang Nhật |
| d. Phó Tổng Giám đốc | Ông : Lê Văn Thế |

Kế toán trưởng Bà : Nguyễn Thị Hạnh Nguyên

- Sơ yếu lý lịch :

Ông Hồ Xuân Hiếu - Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

1. Họ và tên: HỒ XUÂN HIẾU
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 15/9/1975
4. Nơi sinh: Tiên Mỹ - Vĩnh Lâm – Vĩnh Linh – Quảng Trị
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: P.Đông Lương, Đông Hà, Quảng Trị
7. Chứng minh thư nhân dân số: 197018909 Cấp ngày: 15/7/2014 tại: Công an Quảng Trị
8. Điện thoại liên hệ: 0903580190
9. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ chế tạo máy
10. Chức vụ: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty,
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
12. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị
1. Số cổ phần sở hữu cá nhân: 633.672. cổ phần; tỷ lệ: 7,54 %
2. Số cổ phần sở hữu đại diện với nhà nước: 1.290.000 cổ phần; tỷ lệ: 30 %
- Sở hữu của người có liên quan: Không có
13. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác : Không
14. Các khoản nợ đối với Tổng Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị: Không

Ông Lê Văn Thế – Phó Tổng giám đốc

1. Họ và tên: Lê Văn Thế
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 15/01/1964
4. Nơi sinh: Hải Xuân, Hải Lăng, Quảng Trị
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: KP 9, Phường 5, Đông Hà, Quảng Trị
7. Chứng minh thư nhân dân số: 190385452 Cấp ngày: 23/03/2018 tại: Công an Quảng Trị
8. Điện thoại liên hệ: 0915.075.009
9. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế biến thủy sản
10. Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc , Giám đốc Nhà máy TBS Hương Hóa, Giám đốc NM CB NS Đông Hà

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
12. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị
- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 39.016 cổ phần; tỷ lệ: 0,46%
- Số cổ phần sở hữu đại diện vốn nhà nước: 0 cổ phần; tỷ lệ: 0%
- Sở hữu của người có liên quan: Không có
13. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác : Không
14. Các khoản nợ đối với Tổng Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị: Không

Ông Lê Quang Nhật – Thành viên HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc

1. Họ và tên: LÊ QUANG NHẬT
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 9/4/1972
4. Nơi sinh: Đông Hà – Quảng Trị
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: KP 1, Phường Đông Giang, Đông Hà, Quảng Trị.
7. Chứng minh thư nhân dân số: 191289578 Cấp ngày: 15/9/2004 tại: Công an Quảng Trị
8. Điện thoại liên hệ: 0905008678
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Anh văn, Cử nhân kinh tế.
10. Chức vụ đang giữ tại Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc CN XNK Toàn Cầu, Giám đốc CN TPHCM & An Giang.
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
12. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị
3. Số cổ phần sở hữu cá nhân: 344.720 cổ phần; tỷ lệ: 4,1%
4. Số cổ phần sở hữu đại diện với nhà nước: 860.000 cổ phần; tỷ lệ: 20%
5. Sở hữu của người có liên quan: Không có
13. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác : Không
14. Các khoản nợ đối với Tổng Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị: Không

Ông Mai Chiếm An – Thành viên HĐQT Phó tổng giám đốc Công ty.

1. Họ và tên: MAI CHIẾM AN
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 2/3/1975
4. Nơi sinh: Hàm Tân – Thuận Hải
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: KP 1, Phường 5, Đông Hà, Quảng Trị
7. Chứng minh thư nhân dân số: 197012017 cấp ngày: 05/05/2015 tại: Công an Quảng Trị
8. Điện thoại liên hệ: 0903502777
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Anh văn, Cử nhân kinh tế.
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty, Giám đốc TT DV DL Cửa Việt
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
12. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị
6. Số cổ phần sở hữu cá nhân: 430.056 cổ phần; tỷ lệ: 5,1%
7. Số cổ phần sở hữu đại diện với nhà nước: 860.000 cổ phần; tỷ lệ: 20 %
- Sở hữu của người có liên quan: Không có
13. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác : Không
14. Các khoản nợ đối với Tổng Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị: Không

- Những thay đổi trong ban kiểm soát trong năm 2018:

- Ngày 21/04/2018: Bổ nhiệm ông Nguyễn Đức Hải và bà Nguyễn Thị Thanh Phương làm thành viên ban kiểm soát, thay thế 2 thành viên Ban kiểm soát là ông Lê Ngọc Sáng và Bà Nguyễn Thanh Kiều Oanh.

Lý do: thực hiện theo Nghị định 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

- Số lượng cán bộ, nhân viên: 535 lao động

Bảng 6: Cơ cấu lao động của Sepon Group tính đến thời điểm 31/12/2018

Phân loại	Số người	Tỷ trọng %
Tổng số lao động	535	100
Trong đó:		

1. Cán bộ nhân viên quản lý	22	4,1
2. Theo trình độ		
8. Đại học và trên đại học	150	28
9. Cao đẳng	87	16
10. Trung cấp, sơ cấp, bằng nghề	153	29
11. Lao động phổ thông	145	27
3. Theo tính chất hợp đồng		
12. Hợp đồng lao động		
13. Thử việc	32	5,9
4. Theo giới tính		
14. Nam	349	65
15. Nữ	186	35

Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

+ Chế độ và điều kiện làm việc:

Thời gian làm việc: Số giờ làm việc trong tuần là 48 giờ/tuần, số giờ làm việc trong ngày là 8 giờ/ngày;

Được trang bị đầy đủ trang thiết bị, bảo hộ lao động theo đúng quy định và điều kiện đặc thù tại từng môi trường làm việc;

Thực hiện đúng theo quy định của bộ Luật Lao động và nội quy quy chế của cơ quan;

Hàng năm công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động;

+ Chế độ nghỉ phép, lễ, tết:

Thực hiện đúng theo quy định của bộ Luật Lao động và nội quy quy chế của cơ quan;

Hàng năm công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động;

+ Chính sách tiền lương:

Chế độ tiền lương được xây dựng trên cơ sở vận dụng các quy định hiện hành của Nhà nước và căn cứ vào hiệu quả sản xuất kinh doanh của từng đơn vị và toàn Công ty để thực hiện, kết hợp với hiệu quả công việc, giá trị sản phẩm, vai trò, vị trí, trách nhiệm của người lao động, các yếu tố ảnh hưởng như: Mặt bằng thị trường lao động và thu nhập tại địa phương, hệ số trượt giá...

Quy chế trả lương đảm bảo sự công bằng, minh bạch, thực sự khuyến khích người lao động phát huy năng lực làm việc, đời sống và thu nhập của người lao động luôn được cải thiện;

Chính sách khen thưởng - kỷ luật kịp thời và hợp lý khuyến khích người lao động sáng tạo, nâng cao năng suất lao động.

Chế độ phúc lợi: Công ty đóng đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo đúng chế độ của Luật lao động. Bên cạnh đó, công ty còn thực hiện các chế độ khác ưu tiên cho người lao động như: Tổ chức tham quan nghỉ dưỡng cho toàn thể CBCNVLĐ để tái tạo sức lao động, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động...

+ Chính sách tuyển dụng đào tạo:

Tuyển dụng: Công ty luôn quan tâm đến công tác tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực để đáp ứng về chuyên môn nghiệp vụ tay nghề tùy theo yêu cầu công việc của từng phòng ban bộ phận đơn vị cơ sở để Công ty xây dựng các tiêu chí tuyển dụng cụ thể.

Đào tạo: Công ty ban hành quy chế tuyển dụng và đào tạo minh bạch, rõ ràng, trách nhiệm, với hình thức đào tạo tại chỗ, chuyên sâu, tạo điều kiện cho người lao động gắn học đi đôi với hành, phát huy năng lực bản thân, kỹ năng công việc;

Hàng năm công ty tổ chức tập huấn, đào tạo tay nghề cho lực lượng lao động trực tiếp, tổ chức tập huấn cho cán bộ quản lý để nâng cao công tác điều hành và quản trị rủi ro.

+ Các chính sách khác: Theo quy định của pháp luật và quy định của Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án :

a) Các khoản đầu tư lớn:

Căn cứ vào tình hình thực tế và nhu cầu cấp thiết của các đơn vị cơ sở, HĐQT đã thống nhất một số hạng mục đầu tư, mua sắm, sửa chữa lớn, chỉ đạo Ban Tổng giám đốc thực hiện. Tổng giá trị năm 2018 là: 5.906.519.693đ

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Tỷ lệ % 2018/2017
Tổng giá trị tài sản	401.063.240.529	405.413.705.675	101,08
Doanh thu thuần	767.962.583.866	717.073.733.481	93,37
Lợi nhuận từ hoạt động KD	15.172.322.211	15.448.218.757	101,82
Lợi nhuận khác	92.679.572	95.253.044	102,78
Lợi nhuận trước thuế	15.265.001.783	15.543.471.801	101,82
Lợi nhuận sau thuế	15.265.001.783	15.543.471.801	101,82

Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	85%	85%	100
----------------------------	-----	-----	-----

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	0,72	0,73
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn		
+ Hệ số thanh toán nhanh:		
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>		
Nợ ngắn hạn	0,25	0,19
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,75	0,75
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,94	2,96
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>		
+ Vòng quay hàng tồn kho:		
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	13,25	9,54
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,91	1,77
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	1,99	2,2
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	11,98	15,16
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)	3,81	3,83
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	1,98	2,15

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a, Cổ phần:

+ Tổng số cổ phần lưu hành : 8.400.000 CP

+ Loại cổ phần : phổ thông

+ Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 6.471.520 cổ phần

+ Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 1.928.480 cổ phần

- Cổ phần hạn chế chuyển nhượng có điều kiện của cổ đông sáng lập theo điều 119 Luật DN 2014: 0 CP.

- Cổ phần hạn chế chuyển nhượng có điều kiện của cổ đông chiến lược cam kết 5 năm theo điều 6, ND 59/2011/ND-CP: 988.700 CP

- Cổ phần hạn chế chuyển nhượng có điều kiện theo cam kết làm việc theo năm công tác tại điều 48 ND 59/2011/ND-CP (hạn chế 10 năm theo giấy đăng ký của CBCNV tại thời điểm Cổ phần hóa): 939.780 CP.

b) Cơ cấu cổ đông tại 31/12/2018 :

T T	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu sở hữu	Số tiền	Tỷ lệ trên Vốn điều lệ
1	Cổ đông trong nước		8.400.000	84.000.000.000	100%
	- Cá nhân		4.100.000	41.000.000.000	48,81%
	- Tổ chức	1	4.300.000	43.000.000.000	51.19%
2	Cổ đông ngoài nước	0	0	0	0%
	- Cá nhân	0	0	0	0%
	- Tổ chức	0	0	0	0%
	Tổng cộng:		8.400.000	84.000.000.000	100%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm : 403.585.862.959 đồng

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức : Không có.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

TT	DANH MỤC	ĐVT	TIÊU THỤ 2018
	Trực tiếp		
1	Than đá	Tấn	2.824
2	Điện	KWh	8.821.415
3	Dầu Diezen, xăng	Lít	77.382

	Gián tiếp		
4	Điện	KWh	850.176

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả : Sáng kiến nâng cao năng suất lò sấy bằng cách tăng lưu lượng gió quạt chính 1 và 2 tại Nhà máy chế biến mù cưa Cam Lộ.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Sáng kiến mục b) đã công suất tăng 3 tấn mù /ngày; chất lượng thành phẩm ra lò đảm bảo kiểm soát nhiệt độ và lưu lượng gió; Tiết kiệm nhiên liệu củi đốt lò từ 0.35 tấn xuống còn 0.3 tấn củi/tấn thành phẩm. Tiết kiệm chi phí năm 2018 là 128,4 triệu đồng.

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng : Công ty Cấp thoát nước Quảng Trị, giá trị: 337.369.515đ.

Lượng nước trong năm sử dụng để sản xuất là từ nước sông và nguồn nước giếng khoan tại các nhà máy: 334.106m³.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng : Không có

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.: Không có

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động bình quân: 535 người, mức lương trung bình đối với người lao động: 7,5 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Các chế độ BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động được thực hiện đầy đủ. Chế độ ốm đau, thai sản, tử tuất, trợ cấp mất thời việc được thực hiện đầy đủ cho người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động: Công ty tổ chức tập huấn, đào tạo tay nghề cho lực lượng lao động trực tiếp, tổ chức tập huấn cho cán bộ quản lý để nâng cao công tác điều hành và quản trị rủi ro, tổ chức cho CBCNV tham quan học hỏi tại các nhà máy, tham quan nghỉ dưỡng trong và ngoài nước.

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Tập huấn PCCN, ATVSLĐ,

ATVSTP cho người lao động; Tổ chức hội thi Mis SEPON nhân 8/3; Hội thi TDTT toàn công ty và từng đơn vị, tổ chức viếng các nghĩa trang, tham quan học hỏi; trao quà cho học sinh nghèo tham gia Quỹ Ngày vì người nghèo, ủng hộ quỹ Tiếp sức đến trường, nối vòng tay nhân ái...

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương: không

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2018, đánh dấu thêm một mốc quan trọng trong quá trình phát triển của Tổng công ty, đây là năm thứ 4 Công ty hoạt động theo mô hình cổ phần có vốn nhà nước chi phối, các hoạt động của Tổng công ty ngày càng được mở rộng, phát triển lên tầm cao mới cả về lượng và chất, với chiến lược phát triển ổn định, uy tín, bền vững, đã đưa Công ty trở thành một trong những đơn vị mạnh của tỉnh.

Thuận lợi, khó khăn:

a. Thuận lợi:

- Các sản phẩm của Công ty đã có Thương hiệu uy tín cao nên đã tạo được niềm tin cho khách hàng.

- Các hoạt động của Công ty luôn được chính quyền các cấp trong Tỉnh ủng hộ nên thuận lợi trong hoạt động.

- Chất lượng dịch vụ, sản phẩm công ty tốt nên dễ bán hàng.

- Đội ngũ cán bộ lãnh đạo tâm huyết, dám làm và dám chịu trách nhiệm;

- Trình độ người lao động ngày càng được nâng cao, có ý thức hơn, nội bộ Công ty đoàn kết, thống nhất cao.

- Không có nợ xấu, nợ khó đòi phát sinh.

- Định hướng Công ty đúng, hoạt động ổn định.

b. Khó khăn:

- Giá bán các mặt hàng chủ lực của Công ty giảm sâu và kéo dài như: Cao su, Tinh bột sắn, sản phẩm gỗ... ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của Tổng Công ty;

- Sự cạnh tranh khốc liệt về nguyên liệu cao su, sắn, gỗ... thiếu nguyên liệu cung cấp đã ảnh hưởng đến kết quả sản xuất của các nhà máy Tinh bột sắn, nhà máy cao su, Nhà máy viên nén.

- Khu kinh tế Thương mại không còn cơ chế ưu đãi, phía bạn Lào cấm xuất khẩu gỗ và thắt chặt quản lý lao động người Việt đã ảnh hưởng đến hoạt động của chi nhánh Lao Bảo, Khách sạn Sepon.

- Hàng lậu, hàng giả tràn lan, nhiều đơn vị tư nhân mở ra trên cùng địa bàn, tạo sự cạnh tranh ảnh hưởng đến nhóm hàng nhập khẩu từ Thái Lan của Công ty.

- Các sản phẩm nông sản khác chưa thoát khỏi cảnh “được mùa mất giá, được giá mất mùa” sản xuất manh mún, chưa có bước đột phá trong hoạt động kinh doanh nông sản.

- Cơ chế thu tiền trước khi bán hàng của Công ty, một số mặt hàng bán phải nợ gối đầu như: hàng nhập khẩu, Thức ăn chăn nuôi... dẫn đến khó trong việc mở rộng thị trường.

2. Tình hình tài chính.

a) Tình hình tài sản.

Tình hình tài sản	Nguyên giá	Giá trị khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
1. Tài sản cố định hữu hình	419.699.862.274	136.573.803.719	283.126.058.555
Máy móc thiết bị	122.659.346.534	44.210.349.345	78.448.997.189
Nhà cửa	286.823.316.375	86.095.554.958	200.727.761.417
Phương tiện vận chuyển	9.811.890.365	5.958.146.568	3.853.743.797
Thiết bị dụng cụ quản lý	405.309.000	309.752.848	95.556.152
2. Tài sản cố định vô hình	15.741.600.000	477.000.000	15.264.600.000

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2018 là: 164.619.481.115 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là : 7.025.355.811 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2018 là 15.264.600.000 đồng.

b) Tình hình nợ phải trả:

Khoản mục	31/12/2017	31/12/2018
Nợ ngắn hạn	109.104.997.509	140.535.368.012
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	91.853.721.153	123.363.170.738
Phải trả cho người bán	4.452.682.586	7.076.832.123
Người mua trả tiền trước	3.326.997.169	4.874.032.133
Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	5.924.564.416	818.109.152
Phải trả người lao động	0	1.005.215.280
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.413.495.649	2.102.565.338

Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.133.536.536	1.295.443.248
Nợ dài hạn	190.036.750.494	162.373.075.084
Phải trả dài hạn khác	986.005.011	925.320.246
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	189.050.745.483	161.447.754.838

3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:* Năm 2018, Công ty đã tái cấu trúc một số chức danh cấp trung trong đơn vị bằng cách luân chuyển và bổ nhiệm Giám đốc Nhà máy viên năng lượng Cam Lộ và Chi nhánh Lao Bảo phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của 2 đơn vị.

4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai.*

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2019
- Tổng doanh thu	tỷ đồng	800
- Kim ngạch XNK	Tr.USD	22
- Nộp NS địa phương (thuế địa phương)	tỷ.đ	50
- Thu nhập BQ người LĐ/tháng	Tr.đ	7,5
- Lợi nhuận	Tỷ.đ	16
- Cổ tức	%	≥15%

4.1. Về công tác sản xuất:

- Nghiên cứu, quyết tâm xây dựng các phương án để khắc phục kịp thời những hạn chế, thiếu sót còn tồn tại về công tác quản lý điều hành, về tài sản, thiết bị máy móc đã đầu tư chưa sử dụng hết để tránh lãng phí;

- Tiếp tục bổ sung đầu tư mua sắm, sửa chữa nâng cấp máy móc, thay đổi mới thiết bị công nghệ hiện đại cần thiết, cấp bách, kịp thời để tăng năng suất lao động, giảm nhân công, tăng số lượng và chất lượng sản phẩm, giảm tải sức lao động đối với các nhà máy trong toàn Công ty;

- Xây dựng các phương án mở rộng vùng nguyên liệu, đầu tư bài bản để cung cấp nguyên liệu lâu dài cho các hoạt động của các nhà máy hiện có;

- Làm tốt công tác phối hợp, liên kết giữa nông dân với Nhà máy, xây dựng vùng nguyên liệu cho các nhà máy, Sắn, cao su, gỗ FSC;

- Khuyến khích bà con nông dân bón phân, thâm canh các cây trồng làm nguyên liệu cho Nhà máy Tinh bột sắn, cao su, nông sản.

- Bổ trí LĐ và phương tiện hợp lý, quản lý sử dụng thiết bị chặt chẽ, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ phù hợp đảm bảo hoạt động tốt và nâng cao tuổi thọ của máy.

4.2. Về kinh doanh XNK, thương mại, du lịch và dịch vụ:

- Duy trì và phát triển mạng lưới tiêu thụ tại các tỉnh thành trong cả nước, chú trọng cung cấp nguồn hàng ổn định cho các siêu thị lớn và các đối tác uy tín.

Tìm kiếm mặt hàng mới khi Việt Nam gia nhập các tổ chức kinh tế khu vực và thế giới;

- Tìm kiếm các khách hàng, bạn hàng ổn định, thị trường mới trong và ngoài nước cho sản phẩm: Tinh bột sắn, Cao Su, viên nén, gỗ thành phẩm tinh, chế năng cao chất lượng sản phẩm viên nén. Thức ăn chăn nuôi..

- Tăng cường công tác thu mua chế biến hàng nông sản đối với những sản phẩm có hiệu quả, khả năng triển vọng phát triển bền vững lâu dài, đồng thời phát triển mạng lưới hàng nông sản do Công ty sản xuất vào các siêu thị. Nhập khẩu các sản phẩm nông sản từ Lào, xuất khẩu các sản phẩm của công ty sản xuất, sản phẩm trong tỉnh như gỗ ép để tăng lợi nhuận và kim ngạch xuất khẩu;

- Nâng cao chất lượng phục vụ trong hoạt động khách sạn, nghỉ dưỡng để thu hút được khách hàng, nâng cao hiệu quả kinh tế và giữ vững uy tín thương hiệu. Tăng cường liên kết với các công ty du lịch, lữ hành trong và ngoài tỉnh để thu hút khách hàng. Nắm bắt các sự kiện trong năm để có phương án kinh doanh phù hợp, tổ chức thêm nhiều sự kiện để thu hút khách tham gia.

4.3. Về đầu tư, XDCB, sửa chữa, mua sắm:

- Thận trọng cân nhắc kỹ trong đầu tư xây dựng cơ bản, xây mới các công trình, ưu tiên nâng cấp, sửa chữa các hạng mục cấp thiết phục vụ cho hoạt động tại các đơn vị, các thiết bị hư hỏng, xuống cấp, tính toán đầu tư công nghệ mới để tăng năng suất, hiệu quả

4.4. Về tài chính:

- Tìm kiếm, lựa chọn nguồn vốn vay có lãi suất thấp nhằm giảm thiểu chi phí tài chính, công khai minh bạch và quản lý chặt các khoản chi phí, củng cố và phát triển các mối quan hệ, huy động mọi nguồn lực bảo đảm đủ nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư;

- Tính toán lại, tìm nguồn tài chính, tiết giảm tối đa các khoản chi phí không cần thiết, trích lập các khoản dự phòng, các nguồn lãi thu được phân bổ dần để trả nợ vay dài hạn, dự phòng rủi ro có thể xảy ra;

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát phân tích kịp thời nhằm phát hiện những phát sinh, bất cập trong hoạt động SXKD, trong quản lý và sử dụng vốn để có giải pháp phù hợp, kịp thời bảo đảm cho hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn, hiệu quả.

4.5. Về nhân lực:

- Rà soát, bố trí sắp xếp cán bộ nhân viên trên cơ sở năng lực sở trường đúng với công việc nhằm phát huy khả năng và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Chú trọng công tác đào tạo, đào tạo lại, học hỏi kinh nghiệm nâng cao tay nghề, chất lượng nguồn nhân lực, có chế độ đãi ngộ thích hợp tạo động lực để giữ vững và thu hút nhân tài.

4.6. Về công tác khác:

- Chỉ đạo, phân công, thực hiện thoái vốn Nhà nước tại công ty theo chỉ đạo của tỉnh và quy định của Chính phủ.

- Tiếp tục giao quyền rộng cho các đơn vị. Công ty sẽ đáp ứng kịp thời về vốn, cơ sở vật chất, nhân sự, đối ngoại và pháp lý khi đơn vị có yêu cầu.

- Xây dựng thang, bảng lương mới phù hợp quy định, thực hiện tốt chính sách chế độ hàng năm theo quy định của Bộ luật Lao động và Bảo hiểm xã hội;

- Khoán toàn bộ các khoản chi phí từ khấu hao, lãi vay các loại bảo hiểm đến từng phòng ban, bộ phận, đơn vị cơ sở để đánh giá chính xác năng lực quản lý của người đứng đầu và hiệu quả hoạt động điều hành SXKD của từng đơn vị trực thuộc;

- Tranh thủ vốn đối ứng, các nguồn hỗ trợ vốn từ các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, các dự án nước ngoài hỗ trợ trực tiếp, các Quỹ trong nước.

- Duy trì và phát huy các phong trào thi đua, cải tiến phong trào sáng kiến; nâng cao ý thức về ATLĐ, PCCC, ATVSTP, thực hành tốt 5S trong toàn thể CBCNV.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

Năm 2018 là năm có nhiều khó khăn thách thức của nền kinh tế thế giới nói chung và Việt nam nói riêng, do chịu ảnh hưởng của suy thoái kinh tế thế giới, sự biến động của giá cả vật tư và tỷ giá đồng tiền ngoại tệ, lãi suất ngân hàng, đồng thời sự cạnh tranh khốc liệt của cơ chế thị trường làm ảnh hưởng đến các doanh nghiệp nói chung và hoạt động SXKD của Công ty cổ phần Tổng công ty Thương mại Quảng Trị. nói riêng, nhưng Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và tập thể CB-CNV Công ty đã cố gắng hoàn thành tốt chức trách của mình, nhằm hoàn thành kế hoạch nhiệm vụ đề ra, cải thiện lợi ích thiết thực cho Người lao động và Quý cổ đông.

Năm 2018 Công ty đạt được các kết quả như sau:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	% Hoàn thành
1	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	780	717	92
2	Tổng Lợi nhuận	Tỷ đồng	15.500	15.543	100,3
3	Tỷ lệ Lợi nhuận trên vốn	%	19,9	21,7	109

Với kết quả trên, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ đạt 18,5 % nên cũng đã đáp ứng mong đợi của tất cả cổ đông (cao hơn so với lãi suất huy động của ngân hàng).

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty:

+ Trong công tác quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh Ban điều hành chấp hành đầy đủ các qui định của các bộ luật: Luật doanh nghiệp, luật chứng khoán, luật lao động, các luật thuế, thực hiện đầy đủ các qui định theo điều lệ công ty.

+ Ban Tổng giám đốc đã điều hành công tác sản xuất kinh doanh đạt các chỉ tiêu kinh tế kế hoạch đề ra đem lại lợi nhuận cho các cổ đông.

+ HĐQT công ty đã theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành và kinh doanh, thông qua các báo cáo văn bản của Ban điều hành gửi HĐQT.

+ Thu nhập của CBCNV ổn định người lao động yên tâm công tác gắn bó lâu dài với Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2019 là năm Công ty còn gặp khó khăn, nhưng HĐQT và Ban điều hành vẫn xác định việc chuyển đổi định hướng trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh và tái cơ cấu lại các hạng mục đầu tư làm nền tảng phục vụ định hướng phát triển lâu dài của Công ty. Chủ trọng đầu tư sâu vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, đồng thời tăng cường công tác quản trị công ty, sắp xếp công tác nhân sự, tổ chức lại sản xuất, tích cực thu hồi công nợ. Các chỉ tiêu thực hiện:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm	
		Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019
Vốn điều lệ	Triệu đồng	84.000	84.000
Kim ngạch xuất nhập khẩu	Triệu USD	21,5	22
Doanh thu thuần	Triệu đồng	717.074	800
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	15.543	16
Tỷ lệ LNST/Doanh thu thuần	%	2,17	2,0
Tỷ lệ LNST/Vốn đầu tư của CSH	%	15,16	15,6
Tỷ lệ chia cổ tức	%	15,728	>15

Các nhóm giải pháp chính để thực hiện kế hoạch năm 2019:

Để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch và nhiệm vụ năm 2019 đề ra; HĐQT tiếp tục thực hiện các giải pháp quản trị điều hành, đảm bảo sự ổn định và phát triển bền vững của Công ty chủ yếu tập trung vào các vấn đề chính như:

1. Chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc các nội dung Nghị quyết ĐHĐCD đưa ra, ban hành các Chủ trương để chỉ đạo điều hành các mặt hoạt động đồng thời khắc phục những hạn chế yếu kém của HĐQT còn tồn tại;

2. Nắm bắt chặt chẽ diễn biến của thị trường, kịp thời có các giải pháp ứng phó linh hoạt. Tập trung quản trị khắc phục những khó khăn đối với các đơn vị. Quản lý và phát triển các vùng nguyên liệu để đáp ứng cho các nhà máy hoạt động trước mắt và lâu dài, kể cả phía bên Lào, nghiên cứu đầu tư sâu các sản phẩm của Công ty từ sản phẩm Tinh bột sắn, chế biến gỗ tinh chế, cao su, TACN...

3. Tăng cường quản lý khai thác có hiệu quả các tài sản đã đầu tư; rà soát các định mức kinh tế, kỹ thuật để giảm dần chi phí đối với các nhà máy, có sự so sánh, đảm bảo tính cạnh tranh, đạt hiệu quả cao sau đầu tư.

4. Chủ động hội nhập Quốc tế, tìm kiếm đối tác khách hàng, các nguồn vốn tài trợ của các tổ chức trong và nước ngoài để mở rộng hoạt động SX của các nhà máy, tăng cường quảng bá thương hiệu Sepon Group, hỗ trợ tích cực các đơn vị cơ sở và thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị tình giao.

5. Công tác quản lý tài chính phải chặt chẽ, duy trì tốt công tác khoán quản, quản trị kiểm tra kiểm soát, không để công nợ khó đòi phát sinh mới;

6. Thực hiện tốt quy chế khen thưởng và kỷ luật, kịp thời khen thưởng để kích thích sự sáng tạo của Ban điều hành, cán bộ quản lý, người lao động từ các nguồn quỹ đã được trích lập;

7. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm đối với Công ty Đại chúng theo Điều lệ phù hợp với Luật Doanh nghiệp năm 2014, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn;

8. Hội đồng quản trị xây dựng chiến lược đúng đắn, chỉ đạo hoàn thành việc thoái vốn an toàn, theo đúng lộ trình quy định;

9. Chuẩn bị tốt nguồn vốn để mở rộng đầu tư khu đất Nhĩ Hạ...Đầu tư mới, nâng cấp một số thiết bị công nghệ tại các nhà máy để đáp ứng yêu cầu cạnh tranh

10. Các đơn vị cơ sở muốn đầu tư, nâng cấp, sửa chữa, mua sắm phải có kế hoạch, lộ trình cụ thể, lập phương án đầu tư, thuyết trình hiệu quả đầu tư, thời gian thu hồi vốn, chịu trách nhiệm cá nhân nếu để phát sinh tăng xảy ra.

11. Kiện toàn các nội quy, quy chế nhằm tập trung kiểm tra, giám sát việc thực hiện An toàn vệ sinh lao động, PCCC, phòng chống thiên tai tại các đơn vị cơ sở, rà soát bổ sung quy chế chặt chẽ, để phòng ngừa hạn chế tối đa thiệt hại về người và tài sản của Công ty;

V. Quản trị công ty :

1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị gồm 04 thành viên:

- | | | |
|----|-----------------------------|---------------------|
| a. | Thành viên thường trực HĐQT | Ông: Phan Chí Ngang |
| b. | Thành viên HĐQT | Ông: Hồ Xuân Hiếu |
| c. | Thành viên HĐQT | Ông: Lê Quang Nhật |
| d. | Thành viên HĐQT | Ông : Mai Chiếm An |

Sơ yếu lý lịch của ông Phan Chí Ngang, ông Hồ Xuân Hiếu, ông Lê Quang Nhật, ông Mai Chiếm An đã được trình bày tại Mục II.2

Ông Phan Chí Ngang – Thành viên HĐQT

1. Họ và tên: PHAN CHÍ NGANG

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: 25/8/1960

4. Nơi sinh: Triệu Trạch – Triệu Phong – Quảng Trị

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: KP1, Phường 5, Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị.

7. Chứng minh thư nhân dân số: 191240102 Cấp ngày: 07/02/2017 tại: Công an Quảng Trị

8. Điện thoại liên hệ: 0914 312 234

9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân QTKD, Trung cấp lao động tiền lương.

10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị:

Thành viên HĐQT, Chánh văn phòng Công ty

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

12. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị

13. Số cổ phần sở hữu cá nhân: 41.098 cổ phần; tỷ lệ: 0,49 %

14. Số cổ phần sở hữu đại diện với nhà nước: 1.290.000 cổ phần; tỷ lệ: 30%

15. Sở hữu của người có liên quan: Không có

16. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác : Không

17. Các khoản nợ đối với Tổng Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị: Không

*** Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

Trong năm 2018, HĐQT Công ty thông qua nhiều Biên bản cuộc họp, Nghị quyết và Quyết định; Nhìn chung các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty, có sự đồng thuận cao. Công tác kiểm tra giám sát việc thực hiện Nghị quyết, Quyết định của HĐQT nghiêm túc;

Các phiên họp thường kỳ, đột xuất của HĐQT trong năm 2018 gồm nội dung chính là: Định hướng, chủ trương và giải quyết các công việc liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, mua sắm, sửa chữa, nâng cấp của Công ty và các đơn vị cơ sở

Nhìn chung trong năm 2018, có thể nói hoạt động của HĐQT đã đạt được những kết quả khả quan.

Trên cơ sở kết quả các cuộc họp, HĐQT đã ban hành nhiều Nghị quyết/Quyết định làm cơ sở cho Ban Tổng Giám đốc triển khai các hoạt động SXKD như sau:

S T T	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày tháng	Nội dung
1	02/QĐ- HĐQT	04/01/2018	Quyết định phê duyệt kết quả thầu rút gọn NMNS-PCCC
3	02/CV- HĐQT TM	10/11/2018	Về việc thành lập tổ giúp việc ban chỉ đạo thoát vốn nhà nước
5	04/NQ- HĐQT	09/02/2018	Nghị quyết về việc chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên
6	09/QĐ- HĐQT	28/03/2019	Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018
7	11/QĐ- HĐQT	05/04/2019	Quyết định về việc ban hành quy chế làm việc tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2018
8	12/QĐ- HĐQT	05/04/2018	Quy chế bầu cử thành viên Ban kiểm soát
9	21/QĐ- HĐQT	09/04/2019	Quyết định thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2018
10	26/NQ- ĐHĐCĐ	20/04/2018	Nghị quyết về việc ban hành quy chế quản trị công ty
11	30/NQ- HĐQT	27/06/2019	Nghị quyết về việc thông qua vay vốn, bảo lãnh tại Ngân hàng NNPTNT Quảng Trị

2. Ban kiểm soát:

Thực hiện thông tư 95/TT-BTC về quy định thành viên Ban kiểm soát không nằm trong Bộ phận kế toán, tháng 4/2018, Công ty tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên và miễn nhiệm 02 thành viên ban kiểm soát, bầu thay thế 02 thành viên Ban kiểm soát mới như sau:

Ban kiểm soát (BKS) Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị gồm 03 thành viên:

- | | | |
|----|--------------------------|---------------------------|
| a. | Trưởng Ban kiểm soát | Ông: Mai Chiêm Hùng |
| b. | Thành viên Ban kiểm soát | Bà: Trần Thị Thanh Phương |
| c. | Thành viên Ban kiểm soát | Ông: Nguyễn Đức Hải |

Sơ yếu lý lịch:

Ông Mai Chiêm Hùng – Trưởng ban kiểm soát

1. Họ và tên: MAI CHIÊM HÙNG
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 22/6/1973
4. Nơi sinh: Đông Giang – Đông Hà – Quảng Trị
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Phường Đông Giang, Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị
7. Chứng minh thư nhân dân số: 191289543 Cấp ngày: 3/6/2008 tại: Công an Quảng Trị
8. Điện thoại liên hệ: 0905292119
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị: Trưởng ban kiểm soát Công ty
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
12. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị
13. Sở cổ phần sở hữu cá nhân: 22.095 cổ phần; tỷ lệ: 0,263 %
14. Sở cổ phần sở hữu đại diện với nhà nước: 0 cổ phần; tỷ lệ: 0%
15. Sở hữu của người có liên quan: Không có
16. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: Không
17. Các khoản nợ đối với Tổng Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị: Không

Bà Trần Thị Thanh Phương – Thành viên Ban kiểm soát

1. Họ và tên: TRẦN THỊ THANH PHƯƠNG
 2. Giới tính: Nữ
 3. Ngày sinh: 14/09/1987
 4. Nơi sinh: Vạn Ninh- Quảng Ninh- Quảng Bình
 5. Quốc tịch: Việt Nam
 6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 12/26/3 Hàm Nghi, Khu phố 6, Phường I, Đồng Hà, Quảng Trị.
 7. Chứng minh thư nhân dân số: 197196198 Cấp ngày: 13/03/2009 tại: Công an Quảng Trị
 8. Điện thoại liên hệ: 0911.468.969
 9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài Chính doanh nghiệp
 10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị:
- Thành viên Ban kiểm soát Công ty.
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
 12. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị
 13. Số cổ phần sở hữu cá nhân: 6.641 cổ phần; tỷ lệ: 0,079%
 14. Số cổ phần sở hữu đại diện với nhà nước: 0 cổ phần; tỷ lệ: 0
 15. Sở hữu của người có liên quan: Không có
 16. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác : Không
 17. Các khoản nợ đối với Tổng Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị: Không

Ông Nguyễn Đức Hải – Thành viên Ban kiểm soát

1. Họ và tên: NGUYỄN ĐỨC HẢI
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 15/05/1977
4. Nơi sinh: TP Đồng Hà, tỉnh Quảng Trị.
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 01 Huỳnh Thúc Kháng, Phường Đồng Lễ, TP Đồng Hà, tỉnh Quảng Trị.
7. Chứng minh thư nhân dân số: 197056476 Cấp ngày 20/11/2007 tại Công an Quảng Trị

8. Điện thoại liên hệ: 0903536367
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị: Thành viên Ban kiểm soát Công ty.
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
12. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị
13. Số cổ phần sở hữu cá nhân: 10.612 cổ phần; tỷ lệ: 0,126%
14. Số cổ phần sở hữu đại diện với nhà nước: 0 cổ phần; tỷ lệ: 0
15. Sở hữu của người có liên quan: Không có
16. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác : Không
17. Các khoản nợ đối với Tổng Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị: Không

*** Hoạt động của Ban kiểm soát:**

Năm qua, Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp quy định;

Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp định kỳ, đột xuất, lấy ý kiến thông qua điện thoại, thư điện tử, thống nhất thực hiện các nội dung công việc như: Sửa đổi bổ sung quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, phân công lại nhiệm vụ cho các thành viên, xây dựng chương trình và thực hiện kiểm tra giám sát năm 2018, chương trình kiểm tra giám sát phối hợp giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm tra Đảng ủy đối với Công ty và các phòng ban đơn vị trực thuộc.

Triển khai kiểm tra, giám sát việc chấp hành các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra, các quyết định của HĐQT & Ban TGD trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, mua sắm, sửa chữa của Tổng công ty; Đánh giá tính hợp pháp, hợp lý, kịp thời trong công tác quản lý, điều hành;

Xem xét thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực báo cáo tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 của Tổng công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC;

Tham gia các cuộc họp của HĐQT, Ban TGD và các phòng ban, đơn vị cơ sở để nắm thông tin và đóng góp ý kiến trong các cuộc họp;

Tham gia hoàn thiện đề ban hành các quy chế quy định của Tổng công ty;

Thẩm định quỹ lương và thực hiện một số công việc của Tổng công ty, có báo cáo kết luận và đề xuất phương án điều chỉnh kịp thời.

*** Sự phối hợp giữa Ban kiểm soát với HĐQT, BTGD và các bộ quản lý khác:**

Trong năm 2018 Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và lãnh đạo các đơn vị trực thuộc của Công ty luôn tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ giám sát hoạt động, cung cấp thông tin cần thiết theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

Ban kiểm soát đã chú trọng công tác kiểm tra, giám sát phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ đảm bảo tuân thủ đúng, đầy đủ quy định điều lệ, các quy định hiện hành của cơ quan Nhà nước để cùng nhau quản lý tốt vốn của Cổ đông;

Các kiến nghị đề xuất của Ban kiểm soát được Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác tiếp nhận và triển khai kịp thời;

*** Phương hướng nhiệm vụ của Ban kiểm soát năm 2019:**

Thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát theo quy định tại Luật doanh nghiệp 2014, Điều lệ Tổng công ty và nhiệm vụ ĐHĐCĐ thường niên giao; Phối hợp tốt với HĐQT & BTGD, lãnh đạo các đơn vị cơ sở tập trung vào các mặt công tác sau:

Kiểm tra/giám sát các hoạt động điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh và đầu tư theo quy định của Luật, Điều lệ của Tổng công ty.

Kiểm tra/giám sát thực hiện kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2018 của Tổng công ty, hiệu quả hoạt động một số thiết bị máy móc đã đầu tư tại các đơn vị;

Giám sát việc ban hành và thực hiện các quy định, quy chế, nghị quyết của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT & BTGD trong công tác quản lý điều hành;

Kiểm tra/giám sát tình hình tài chính, cân đối vốn, quản lý và sử dụng vốn, bảo toàn và phát triển vốn, việc chấp hành các quy định về quản lý tài chính, việc lập báo cáo tài chính và công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019;

Giám sát việc chi trả cổ tức năm 2018, chuyển nhượng cổ phần (nếu có); Công bố thông tin theo Luật Chứng khoán và Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính; Giám sát việc thực hiện Nghị định 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn quản trị Công ty Đại Chúng và các văn bản hướng dẫn;

Giám sát việc thoái vốn Nhà nước tại Công ty theo quy định Chính phủ.

Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định và khi có yêu cầu;

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát:

Tổng mức chi trả thù lao của người quản lý không chuyên trách và tiền thưởng cho người quản lý công ty phù hợp với Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty và các văn bản hướng dẫn của Nhà nước. Cụ thể:

T T	Chức vụ	Số lượng (người)	Kế hoạch (Triệu đồng)	Số tiền được chi (Triệu đồng)	Số tiền đã chi (Triệu đồng)
1	Thù lao Người quản lý không chuyên trách: thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát năm 2018	2	172,8	172,8	72
2	Tiền thưởng của người quản lý chuyên trách công ty bao gồm người đại diện phần vốn NN và không phải đại diện phần vốn NN: TV HĐQT, BTGD, TV BKS, Kế toán trưởng	9		486	0
	Tổng cộng				

*** Giao dịch cổ đông nội bộ và người có liên quan:**

Ngày 2/8/2018: Ông Hồ Xuân Hiếu – Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty đã giao dịch thành công: 5.000 cổ phiếu, nâng cổ phần từ 628.672 cổ phần lên 633.672 cổ phần chiếm tỷ lệ 7,54%.

Ngày 13/08/2018: Ông Lê Quang Nhật - Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty đã giao dịch thành công 8.553 cổ phần, nâng cổ phần từ 328.300 cổ phần lên 336.853 chiếm tỷ lệ 4%.

Ngày 18/09/2018: Ông Lê Quang Nhật - Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty đã giao dịch thành công 7.867 cổ phần, nâng cổ phần từ 336.853 cổ phần lên 344.720 cổ phần chiếm tỷ lệ 4,1%.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2018:

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Công ty đã thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật. Bản cứng đến Ủy Ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và đăng tải lên website Công ty.

Ban Giám đốc điều hành Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2018, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



Hồ Xuân Hiền

CÔNG TY CỔ
PHẦN TỔNG
CÔNG TY
THƯƠNG MẠI
QUẢNG TRỊ

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG
CÔNG TY THƯƠNG MẠI QUẢNG TRỊ
DN: c=VN, st=QUẢNG TRỊ, i=TP Đồng Hới,
cn=CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY
THƯƠNG MẠI QUẢNG TRỊ
0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:3200042556
Date: 2019.03.27 11:06:28 +07'00'